

Kinh nghiệm quốc tế về vượt rào cản xanh của eu đối với dệt may, da giày xuất khẩu và hàm ý chính sách cho Việt Nam

TS. Đặng Thanh Phương, Trường Đại học Thủy lợi

ThS. Vũ Việt Thành, Vụ Phát triển thị trường nước ngoài - Bộ Công Thương

Bài báo là sản phẩm của Đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu đề xuất giải pháp vượt rào cản xanh nhằm xuất khẩu bền vững hàng dệt may và da giày của Việt Nam sang thị trường EU”.

Tóm tắt: Liên minh châu Âu (EU) đang chuyển nhanh từ cách tiếp cận “khuyến khích sản xuất xanh” sang “điều kiện hóa tiếp cận thị trường” thông qua các quy định về hóa chất, thiết kế sinh thái, truy xuất nguồn gốc, trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất và minh bạch thông tin môi trường. Đối với các ngành dệt may và da giày, đây không chỉ là yêu cầu kỹ thuật đơn lẻ mà là một hệ thống rào cản xanh bao phủ toàn bộ vòng đời sản phẩm, từ nguyên liệu, thiết kế, nhuộm – hoàn tất, thuộc da, sử dụng năng lượng, nước, hóa chất, xử lý chất thải đến khả năng tái chế sau tiêu dùng. Bài viết phân tích kinh nghiệm của Bangladesh, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc và Indonesia trong thích ứng với các rào cản xanh của EU. Kết quả cho thấy các quốc gia thành công không chỉ dựa vào chứng nhận sản phẩm, mà còn phát triển năng lực cấp chuỗi: cụm sản xuất xanh, quản lý hóa chất theo chuẩn quốc tế, nhà máy tiết kiệm năng lượng, truy xuất nguồn gốc số, kinh tế tuần hoàn và cơ chế hợp tác công – tư. Từ đó, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách cho Việt Nam nhằm nâng cao năng lực đáp ứng tiêu chuẩn xanh, duy trì lợi thế xuất khẩu và chuyển dịch từ gia công chi phí thấp sang chuỗi giá trị bền vững hơn.

Từ khóa: rào cản xanh; EU; dệt may; da giày;

1. Tổng quan về rào cản xanh của EU đối với dệt may, da giày xuất khẩu

Trong thương mại quốc tế, rào cản xanh có thể được hiểu là tập hợp các quy định, tiêu chuẩn, cơ chế chứng nhận và yêu cầu thị trường liên quan đến bảo vệ môi trường, sức khỏe người tiêu dùng, phát thải carbon, sử dụng tài nguyên và trách nhiệm xã hội trong toàn bộ chuỗi giá trị sản phẩm. Khác với rào cản kỹ thuật truyền thống vốn tập trung vào đặc tính sản phẩm cuối cùng, rào cản xanh của EU ngày càng mở rộng sang quá trình sản xuất, nguồn gốc nguyên liệu, khả năng tái chế, mức độ phát thải và minh bạch dữ liệu chuỗi cung ứng.

Đối với dệt may và da giày, EU là một trong những thị trường có mức độ yêu cầu cao nhất. Chiến lược của EU về dệt may bền vững và tuần hoàn đặt mục tiêu đến năm 2030 các sản phẩm dệt may đưa vào thị trường EU phải bền hơn, có thể sửa chữa, tái sử dụng và tái chế tốt hơn, phần lớn được làm từ sợi tái chế, không chứa hóa chất nguy hại và được sản xuất theo cách tôn trọng quyền xã hội cũng như môi trường (European Commission, 2022). Đồng thời, các quy định hóa chất theo REACH đã hạn chế 33 chất CMR trong quần áo, hàng dệt và giày dép từ năm 2020; điều này buộc nhà xuất khẩu phải kiểm soát hóa chất ngay từ nguyên phụ liệu, thuốc nhuộm, keo dán, phụ kiện và công đoạn hoàn tất (European Commission, 2020).

Một xu hướng quan trọng khác là chuyển từ chứng nhận tự nguyện sang yêu cầu pháp lý về dữ liệu. Quy định thiết kế sinh thái cho sản phẩm bền vững (ESPR), có hiệu lực từ năm 2024, tạo khuôn khổ để EU ban hành các yêu cầu về độ bền, khả năng sửa chữa, hàm lượng tái chế, hiệu quả tài nguyên, thông tin sản phẩm và hộ chiếu sản phẩm số. Dệt may nằm trong nhóm sản phẩm được ưu tiên trong giai đoạn đầu thực thi do có tác động môi trường lớn và chuỗi cung ứng toàn cầu phức tạp. Vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu không thể chỉ “xanh hóa” bằng nhãn mác, mà phải có khả năng cung cấp dữ liệu đáng tin cậy về thành phần vật liệu, hóa chất, phát thải, xử lý nước thải, nguồn gốc nguyên liệu và trách nhiệm sau tiêu dùng.

Bảng 1. Một số rào cản xanh và tiêu chuẩn có liên quan đến dệt may, da giày xuất khẩu vào EU

Nhóm yêu cầu/tiêu chuẩn	Tính chất	Phạm vi liên quan	Tác động đối với DN xuất khẩu	Ý nghĩa với dệt may, da giày
REACH, đặc biệt Annex XVII Entry 72	Bắt buộc	Hạn chế hóa chất nguy hại trong hàng dệt, quần áo, giày dép tiếp xúc với da	DN phải kiểm soát hóa chất từ nguyên liệu, thuốc nhuộm, chất hoàn tất, keo dán và phụ kiện	Là điều kiện nền tảng để hàng hóa được lưu thông hợp pháp tại EU
EU Strategy for Sustainable and Circular Textiles	Khung chính sách định hướng	Thiết kế bền, tái sử dụng, tái chế, giảm sợi hóa thạch và minh bạch thông tin	Buộc DN chuyển từ tuân thủ sản phẩm sang tuân thủ vòng đời sản phẩm	Làm thay đổi tiêu chí đặt hàng của nhà mua EU
ESPR và Digital Product Passport	Khung pháp lý mới	Thiết kế sinh thái, dữ liệu sản phẩm, khả năng truy xuất, thông tin về vật liệu và tái chế	DN cần hệ thống dữ liệu số và truy xuất nguồn gốc theo lô hàng, nguyên liệu, nhà cung cấp	Tạo áp lực số hóa chuỗi cung ứng dệt may, da giày
OEKO-TEX® Standard 100, GOTS, EU Ecolabel	Chứng nhận/nhãn sinh thái	An toàn hóa chất, dệt hữu cơ, tiêu chí môi trường và xã hội	Tăng chi phí thử nghiệm/chứng nhận nhưng nâng độ tin cậy với nhà mua	Phổ biến trong các đơn hàng trung – cao cấp

Nhóm yêu cầu/tiêu chuẩn	Tính chất	Phạm vi liên quan	Tác động đối với DN xuất khẩu	Ý nghĩa với dệt may, da giày
ZDHC MRSL, LWG, Higg FEM/Cascale	Tiêu chuẩn ngành và yêu cầu của nhân hàng	Quản lý hóa chất, nước thải, thuộc da, năng lượng, phát thải, đánh giá nhà máy	DN phải nâng cấp quản trị nhà máy và phối hợp với nhà cung cấp cấp 2, cấp 3	Giúp đáp ứng yêu cầu chuỗi cung ứng của các thương hiệu quốc tế
EPR đối với dệt may và yêu cầu xử lý chất thải	Đang mở rộng trong chính sách EU	Thu gom, phân loại, tái sử dụng, tái chế sau tiêu dùng	Nhà sản xuất/xuất khẩu cần thiết kế sản phẩm để tái chế và có dữ liệu vật liệu rõ ràng	Đẩy ngành chuyển từ tuyến tính sang tuần hoàn

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ European Commission (2020, 2022), EEA (2025), ZDHC (2024) và các tài liệu tiêu chuẩn ngành.

2. Kinh nghiệm của một số quốc gia về vượt rào cản xanh của EU đối với xuất khẩu dệt may, da giày

Kinh nghiệm quốc tế trong xuất khẩu cho thấy khả năng vượt rào cản xanh của EU phụ thuộc vào ba nhóm năng lực: (i) năng lực tuân thủ ở cấp doanh nghiệp, gồm quản lý hóa chất, năng lượng, nước, phát thải và dữ liệu; (ii) năng lực phối hợp ở cấp chuỗi cung ứng, gồm liên kết giữa nhà dệt, nhuộm, may, thuộc da, nhà cung cấp phụ liệu, phòng thử nghiệm và thương hiệu; (iii) năng lực thể chế, gồm chính sách hỗ trợ tài chính xanh, chuyển giao công nghệ, công nhận tiêu chuẩn, đào tạo nhân lực và đối thoại với EU. Các trường hợp dưới đây được lựa chọn vì đại diện cho những mô hình khác nhau: Bangladesh dựa vào nhà máy xanh và năng lực tuân thủ đơn hàng; Ấn Độ kết hợp chính sách quốc gia với cụm SME; Thổ Nhĩ Kỳ tận dụng vị trí gần EU và chuyển đổi tuần hoàn; Trung Quốc số hóa dữ liệu và kiểm soát quy mô chuỗi cung ứng; Indonesia có kinh nghiệm đáng chú ý trong da giày, đặc biệt là xuất khẩu giày thể thao và kiểm soát chuỗi cung ứng cho các thương hiệu toàn cầu.

2.1. Bangladesh – Tăng cường chứng nhận xanh và nâng cấp nhà máy may xuất khẩu

2.1.1. Tình hình xuất khẩu dệt may, da giày của Bangladesh sang EU

Bangladesh là một trong những nhà cung cấp hàng may mặc lớn nhất cho thị trường EU. Theo số liệu thương mại của EU với Bangladesh năm 2024, tổng nhập khẩu của EU từ Bangladesh đạt khoảng 19,88 tỷ EUR, trong đó cơ cấu nhập khẩu tập trung rất lớn vào hàng công nghiệp chế biến, đặc biệt là dệt may và may mặc (European Commission, 2025a). Các phân tích thị trường của CBI cũng xác định Bangladesh nằm trong nhóm ba nhà cung cấp hàng may mặc lớn nhất cho châu Âu, cùng với Trung Quốc và Thổ Nhĩ Kỳ (CBI, 2026). Điều này phản ánh mức độ phụ thuộc cao của ngành may Bangladesh vào thị

trường EU và cũng cho thấy các quy định xanh của EU có tác động trực tiếp đến năng lực xuất khẩu của nước này.

Về cấu trúc sản phẩm, Bangladesh có lợi thế lớn ở phân khúc may mặc khối lượng lớn, nhất là áo thun, áo len, quần, đồ dệt kim và các sản phẩm may mặc cơ bản. Tuy nhiên, mô hình cạnh tranh dựa nhiều vào chi phí lao động thấp và năng lực may mặc quy mô lớn khiến Bangladesh dễ chịu áp lực khi EU chuyển sang đặt hàng theo tiêu chí phát thải thấp, nguyên liệu bền vững, truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm sau tiêu dùng. Với da giày, Bangladesh không nổi bật bằng may mặc, nhưng các yêu cầu hóa chất và truy xuất nguồn gốc của EU vẫn có ý nghĩa đối với sản phẩm da, phụ kiện và nguyên liệu liên quan.

2.1.2. Kinh nghiệm của Bangladesh về vượt rào cản xanh của EU trong xuất khẩu

Kinh nghiệm nổi bật nhất của Bangladesh là biến “nhà máy xanh” thành công cụ cạnh tranh. Thay vì chỉ đáp ứng kiểm tra chất lượng ở cuối dây chuyền, nhiều doanh nghiệp Bangladesh đầu tư vào nhà máy đạt chứng nhận LEED, cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng, nước, ánh sáng, thông gió và quản lý chất thải. BGMEA cho biết đến tháng 11/2024 Bangladesh có 230 nhà máy may đạt chứng nhận LEED, trong đó 92 nhà máy đạt Platinum và 124 nhà máy đạt Gold; khoảng 500 nhà máy khác đang trong quá trình chứng nhận (BGMEA, 2024). Đến năm 2025, số lượng nhà máy LEED tiếp tục tăng, cho thấy cách tiếp cận “xanh hóa hạ tầng sản xuất” đã trở thành chiến lược ngành, không chỉ là sáng kiến riêng lẻ của vài doanh nghiệp.

Bên cạnh hạ tầng, Bangladesh tăng cường quản lý hóa chất và nước thải theo yêu cầu của các thương hiệu EU. Nhiều nhà máy xuất khẩu áp dụng OEKO-TEX®, GOTS, ZDHC MRSL và Higg FEM/Cascale để giảm rủi ro vi phạm REACH và nâng độ tin cậy trong đánh giá nhà cung cấp. Kinh nghiệm quan trọng là BGMEA và các đối tác quốc tế không chỉ khuyến khích doanh nghiệp lấy chứng chỉ, mà còn tổ chức đào tạo, báo cáo bền vững và thúc đẩy hợp tác ngành. BGMEA Sustainability Report 2023 nhấn mạnh các nỗ lực của hiệp hội và doanh nghiệp thành viên trong an toàn nhà máy, hiệu quả tài nguyên, quan hệ lao động và quản trị bền vững (BGMEA, 2023).

Tuy vậy, kinh nghiệm Bangladesh cũng cho thấy giới hạn của mô hình chỉ dựa vào chứng nhận nhà máy. Các báo cáo về chuyển đổi tuần hoàn chỉ ra ngành may Bangladesh tạo ra lượng lớn phế liệu dệt may, trong khi năng lực tái chế nội địa còn hạn chế; nếu EU tăng yêu cầu về hàm lượng tái chế, hộ chiếu sản phẩm số và trách nhiệm sau tiêu dùng, Bangladesh cần phát triển hệ sinh thái tái chế, phân loại phế liệu và minh bạch dòng vật liệu tốt hơn (Switch to Circular Economy Value Chains, 2025). Bài học ở đây là chứng nhận xanh giúp duy trì đơn hàng ngắn hạn, nhưng lợi thế dài hạn phụ thuộc vào khả năng chuyển từ “nhà máy xanh” sang “chuỗi cung ứng tuần hoàn”.

2.2. Ấn Độ – Kết hợp chính sách công, chứng nhận và chuyển đổi cụm sản xuất

2.2.1. Tình hình xuất khẩu dệt may, da giày của Ấn Độ sang EU

Ấn Độ là nhà xuất khẩu lớn trong các nhóm sản phẩm dệt, may mặc, hàng dệt gia dụng, da và giày dép. EU là thị trường đặc biệt quan trọng đối với ngành dệt may Ấn Độ. Theo thông tin của Chính phủ Ấn Độ, EU là điểm đến xuất khẩu dệt may lớn thứ hai của Ấn Độ sau

Hoa Kỳ; tổng nhập khẩu dệt may toàn cầu của EU đạt khoảng 263,5 tỷ USD năm 2024, tạo dư địa lớn cho nhà xuất khẩu Ấn Độ nếu cải thiện khả năng tiếp cận thị trường và tuân thủ tiêu chuẩn (PIB India, 2026). Các báo cáo ngành cũng cho thấy EU là thị trường trọng điểm đối với hàng may mặc Ấn Độ, đặc biệt trong các nhóm sản phẩm bông, dệt gia dụng và hàng may giá trị gia tăng.

Với da giày, Ấn Độ có truyền thống sản xuất da thuộc, giày dép và phụ kiện da, nhưng khi vào EU, sản phẩm chịu đồng thời yêu cầu về hóa chất, an toàn sản phẩm, lao động, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu da và yêu cầu ngày càng tăng về không phá rừng hoặc trách nhiệm với nguồn nguyên liệu. Do vậy, năng lực đáp ứng xanh của Ấn Độ không chỉ nằm ở các doanh nghiệp may lớn, mà còn ở các cụm SME, xưởng nhuộm, hoàn tất, thuộc da và nhà cung cấp nguyên phụ liệu.

2.2.2. Kinh nghiệm của Ấn Độ trong vượt rào cản xanh của EU trong xuất khẩu

Ấn Độ có kinh nghiệm đáng chú ý trong việc lồng ghép yêu cầu xanh vào chính sách công nghiệp. Chương trình Zero Defect Zero Effect (ZED) được thiết kế nhằm nâng cao nhận thức và khuyến khích MSME áp dụng sản xuất không lỗi, không gây tác động tiêu cực đến môi trường. Công thông tin ZED của Chính phủ Ấn Độ nhấn mạnh mục tiêu tạo nhận thức, đánh giá và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cải thiện chất lượng, hiệu quả quy trình, môi trường và năng lực cạnh tranh (ZED, 2026). Đây là cách tiếp cận quan trọng vì phần lớn doanh nghiệp trong chuỗi dệt may – da giày không phải tập đoàn lớn, mà là các nhà cung cấp quy mô vừa và nhỏ.

Ở cấp ngành, Ấn Độ thúc đẩy đổi mới công nghệ thông qua các chương trình nâng cấp công nghệ dệt may, kết nối với mục tiêu “Make in India” và ZED. Báo cáo về hệ thống đổi mới ngành dệt may Ấn Độ cho thấy chính sách nâng cấp công nghệ và cụm sản xuất là công cụ nhằm cải thiện năng suất, chất lượng và mức độ thân thiện môi trường của ngành (Department of Science and Technology, 2023). Bên cạnh đó, các dự án với UNEP và Bộ Dệt may Ấn Độ hướng đến kinh tế tuần hoàn, hỗ trợ SME áp dụng mô hình kinh doanh tuần hoàn và cách tiếp cận vòng đời sản phẩm (C4RB, 2024).

Kinh nghiệm của Ấn Độ là không tách rời “xanh” khỏi “nâng cấp công nghiệp”. Các doanh nghiệp xuất khẩu có xu hướng kết hợp chứng nhận GOTS, OEKO-TEX®, ISO 14001, ZDHC và hệ thống xử lý nước thải với truy xuất nguồn gốc bông, sợi, thuốc nhuộm và nhà cung cấp. Đối với thị trường EU, điều này giúp giảm rủi ro khi quy định chuyển từ kiểm tra sản phẩm sang yêu cầu minh bạch dữ liệu. Bài học cho Việt Nam là hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuỗi cung ứng là điều kiện then chốt: nếu chỉ một số doanh nghiệp FDI hoặc nhà máy lớn đạt chuẩn, toàn chuỗi vẫn khó đáp ứng yêu cầu DPP, REACH và kinh tế tuần hoàn.

2.3. Thổ Nhĩ Kỳ – Chuyển đổi xanh dựa trên lợi thế gần EU và chuỗi cung ứng tích hợp

2.3.1. Tình hình xuất khẩu dệt may, da giày của Thổ Nhĩ Kỳ sang EU

Thổ Nhĩ Kỳ là một trong những nhà cung cấp hàng may mặc lớn nhất cho EU nhờ lợi thế địa lý gần thị trường, thời gian giao hàng ngắn, năng lực sản xuất linh hoạt và chuỗi cung

ứng dệt – nhuộm – may tương đối tích hợp. Theo CBI, Trung Quốc, Bangladesh và Thổ Nhĩ Kỳ là ba nhà cung cấp hàng may mặc lớn nhất vào EU năm 2024, chiếm 27,8% tổng giá trị nhập khẩu hàng may mặc của EU (CBI, 2026). Báo cáo thường niên của Hiệp hội các nhà xuất khẩu hàng may mặc Istanbul (IHKIB) cho thấy nhập khẩu hàng may mặc của EU-27 từ Thổ Nhĩ Kỳ đạt 10,428 tỷ EUR năm 2024, chiếm 10,8% tổng nhập khẩu hàng may mặc của EU-27 (IHKIB, 2025).

So với Bangladesh và nhiều nước châu Á, Thổ Nhĩ Kỳ không chỉ cạnh tranh bằng chi phí mà bằng tốc độ, sản xuất gần thị trường, đơn hàng nhỏ hơn, khả năng phản ứng nhanh và chất lượng ổn định. Đây là lợi thế quan trọng khi EU và các thương hiệu châu Âu rút ngắn chuỗi cung ứng, giảm tồn kho, yêu cầu minh bạch và tăng trách nhiệm môi trường. Với da giày, Thổ Nhĩ Kỳ có năng lực sản xuất da, giày và phụ kiện, đồng thời chịu áp lực lớn về hóa chất thuộc da, nước thải, năng lượng và truy xuất nguồn nguyên liệu.

2.3.2. Kinh nghiệm của Thổ Nhĩ Kỳ về vượt rào cản xanh của EU trong xuất khẩu

Thổ Nhĩ Kỳ phản ứng với rào cản xanh của EU bằng cách xây dựng chính sách cấp quốc gia tương thích với European Green Deal. Ngân hàng Thế giới nhận định phản ứng của Thổ Nhĩ Kỳ tập trung vào hai kế hoạch lớn: Green Deal Action Plan và National Circular Economy Strategy and Action Plan; các sáng kiến này nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong những ngành gắn chặt với chuỗi giá trị EU, trong đó có dệt may và da giày (World Bank, 2025). Việc đặt chuyển đổi xanh trong quan hệ thương mại với EU giúp doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ chuẩn bị sớm hơn cho các quy định như ESPR, DPP, yêu cầu phát thải và kinh tế tuần hoàn.

Ở cấp ngành, Thổ Nhĩ Kỳ xây dựng chiến lược bền vững cho ngành may mặc, nhấn mạnh kinh tế tuần hoàn, hiệu quả nguyên liệu, năng lượng tái tạo, số hóa và truy xuất nguồn gốc. Turkish Apparel Sector Sustainability Strategy and Action Plan coi European Green Deal là áp lực nhưng cũng là cơ hội tái cấu trúc ngành theo hướng giá trị cao hơn (IHKIB, 2022). Các doanh nghiệp lớn đầu tư vào sợi tái chế, bông hữu cơ, hệ thống nhuộm tiết kiệm nước, năng lượng tái tạo và công nghệ sản xuất nhanh. Lợi thế gần EU cho phép Thổ Nhĩ Kỳ phát triển mô hình “nearshoring xanh”: vừa rút ngắn vận chuyển, vừa giảm rủi ro chuỗi cung ứng và đáp ứng nhanh yêu cầu minh bạch của nhà mua.

Bài học từ Thổ Nhĩ Kỳ là cần kết hợp lợi thế logistics với lợi thế xanh. Đối với Việt Nam, khoảng cách địa lý xa EU là bất lợi tương đối so với Thổ Nhĩ Kỳ; vì vậy Việt Nam phải bù đắp bằng dữ liệu truy xuất nguồn gốc tốt hơn, tiêu chuẩn hóa nhà cung cấp, tối ưu vận tải, giảm phát thải nhà máy và xây dựng năng lực nguyên phụ liệu trong nước nhằm giảm phụ thuộc vào đầu vào khó kiểm soát.

2.4. Trung Quốc – Số hóa chuỗi cung ứng, kiểm soát dữ liệu và chuẩn bị cho hộ chiếu sản phẩm số

2.4.1. Tình hình xuất khẩu dệt may, da giày của Trung Quốc sang EU

Trung Quốc vẫn là nhà cung cấp hàng dệt may, may mặc và giày dép lớn nhất của EU, dù thị phần hàng may mặc có xu hướng giảm do dịch chuyển sản xuất sang Bangladesh, Việt Nam, Campuchia và các nước khác. Theo CBI, Trung Quốc là nhà xuất khẩu hàng may

mặc lớn nhất vào EU năm 2024 với 12,8% giá trị nhập khẩu hàng may mặc của EU, giảm so với mức 15,1% năm 2019 (CBI, 2026). Dù tỷ trọng giảm, Trung Quốc vẫn giữ vai trò trung tâm trong chuỗi cung ứng nhờ năng lực sản xuất sợi, vải, phụ liệu, hóa chất, máy móc, logistics và thương mại điện tử xuyên biên giới.

Đối với da giày, Trung Quốc cũng là nhà sản xuất và xuất khẩu lớn, đặc biệt ở giày phổ thông, giày thể thao, dép, phụ kiện và vật liệu thay thế da. Áp lực xanh của EU đối với Trung Quốc không chỉ nằm ở sản phẩm xuất khẩu truyền thống mà còn ở mô hình thời trang nhanh, thương mại điện tử, hàng giá thấp và số lượng bưu kiện nhỏ lớn vào EU. Vì vậy, Trung Quốc phải đối mặt với đồng thời ba nhóm rào cản: hóa chất và an toàn sản phẩm; dữ liệu và truy xuất; trách nhiệm môi trường của mô hình tiêu dùng nhanh.

2.4.2. Kinh nghiệm của Trung Quốc trong vượt rào cản xanh của EU trong xuất khẩu

Kinh nghiệm nổi bật của Trung Quốc là sử dụng quy mô chuỗi cung ứng và năng lực số hóa để thích ứng. Các tổ chức ngành dệt may Trung Quốc đã bắt đầu nghiên cứu hệ thống dữ liệu sản phẩm và hộ chiếu sản phẩm số cho dệt may. Một số báo cáo về DPP của Trung Quốc cho thấy ngành đang phát triển cách tiếp cận tiêu chuẩn hóa dữ liệu sản phẩm nhằm giảm chi phí tuân thủ và tạo thuận lợi cho xuất khẩu sang thị trường có yêu cầu cao (Eco-wise, 2025). Đây là hướng đi phù hợp với xu thế EU, nơi dữ liệu về thành phần vật liệu, hóa chất, khả năng tái chế và dấu chân môi trường sẽ trở thành điều kiện tiếp cận thị trường.

Trung Quốc cũng có kinh nghiệm xây dựng năng lực thử nghiệm, kiểm định và kiểm soát chất lượng ở quy mô lớn. Trong bối cảnh REACH và các yêu cầu về hóa chất ngày càng nghiêm ngặt, các nhà xuất khẩu Trung Quốc phải tích hợp kiểm soát hóa chất vào hệ thống quản lý nhà cung cấp, đặc biệt ở khâu nhuộm, in, hoàn tất, keo dán và phụ liệu. Nhiều doanh nghiệp tham gia các chương trình như ZDHC để chứng minh loại bỏ hóa chất nguy hại và kiểm soát nước thải theo chuẩn quốc tế. ZDHC Impact Report 2024 nhấn mạnh sứ mệnh loại bỏ hóa chất nguy hại khỏi ngành dệt, may, da và giày dép thông qua MRSL, quản lý hóa chất và dữ liệu tác động (ZDHC, 2024).

Tuy nhiên, trường hợp Trung Quốc cũng cho thấy rủi ro khi mô hình cạnh tranh dựa vào giá thấp và tốc độ quá cao. Các nền tảng thời trang siêu nhanh có thể gặp phản ứng chính sách mạnh hơn từ EU do lo ngại về môi trường, thuế, an toàn sản phẩm và cạnh tranh không công bằng. Bài học quan trọng cho Việt Nam là số hóa truy xuất nguồn gốc và quản lý dữ liệu là năng lực bắt buộc, nhưng cần đi kèm chiến lược định vị sản phẩm bền vững, tránh bị khóa vào phân khúc giá rẻ có rủi ro cao về rào cản xanh và rào cản xã hội.

2.5. Indonesia – quản lý chuỗi cung ứng và hợp tác xanh

2.5.1. Tình hình xuất khẩu dệt may, da giày của Indonesia sang EU

Indonesia là một trong những quốc gia châu Á có năng lực sản xuất giày dép lớn, đặc biệt là giày thể thao và giày cho các thương hiệu quốc tế. Theo số liệu ngành giày dép châu Âu, năm 2024 EU nhập khẩu gần 100 triệu đôi giày từ Indonesia với giá bình quân khoảng 15,80 EUR/đôi, trong khi xuất khẩu của EU sang Indonesia chỉ hơn 300 nghìn đôi (World Footwear, 2025). Điều này cho thấy Indonesia là nguồn cung quan trọng đối với thị trường

giày dép EU và chịu tác động trực tiếp của các yêu cầu xanh liên quan đến vật liệu, hóa chất, keo dán, cao su, da, phát thải và điều kiện lao động.

Ở cấp quan hệ thương mại, EU và Indonesia đã đạt bước tiến quan trọng trong đàm phán hiệp định thương mại. Ủy ban châu Âu cho biết thương mại hàng hóa song phương EU–Indonesia đạt 27,3 tỷ EUR năm 2024, trong đó nhập khẩu của EU từ Indonesia đạt 17,5 tỷ EUR; hiệp định dự kiến xóa bỏ thuế quan đối với hơn 98% dòng thuế và gần như toàn bộ giá trị thương mại khi thực thi đầy đủ (European Commission, 2025b). Các nhóm hàng như dệt may và giày dép được kỳ vọng hưởng lợi, nhưng lợi ích thuế quan sẽ chỉ thực sự chuyển thành lợi thế nếu doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu xanh và truy xuất nguồn gốc của EU.

2.5.2. Kinh nghiệm của Indonesia về vượt rào cản xanh của EU trong xuất khẩu

Kinh nghiệm của Indonesia nằm ở việc gắn sản xuất da giày với yêu cầu của các thương hiệu toàn cầu. Do nhiều nhà máy Indonesia sản xuất cho các nhãn hàng thể thao lớn, yêu cầu tuân thủ thường vượt mức pháp lý tối thiểu của nước nhập khẩu, bao gồm ZDHC MRSL, kiểm soát nước thải, hóa chất trong keo dán và vật liệu tổng hợp, trách nhiệm lao động, kiểm toán nhà máy và giảm phát thải trong sản xuất. Đây là mô hình “tuân thủ theo chuỗi thương hiệu”: nhà cung cấp không chỉ làm đúng luật EU mà còn phải đáp ứng bộ tiêu chuẩn riêng của thương hiệu, thường nghiêm ngặt hơn để bảo vệ uy tín toàn cầu.

Indonesia cũng bắt đầu đẩy mạnh kinh tế tuần hoàn trong ngành dệt may. Năm 2024, GGGI công bố hợp tác mới về tuần hoàn dệt may tại Indonesia nhằm hỗ trợ ngành áp dụng cách tiếp cận kinh tế tuần hoàn, phù hợp với ưu tiên của Bappenas; ngành dệt may Indonesia sử dụng gần 4 triệu lao động và đóng góp đáng kể vào GDP công nghiệp (GGGI, 2024). Đối với giày dép, hướng chuyển đổi bao gồm sử dụng vật liệu tái chế, cao su bền vững, vật liệu sinh học, giảm dung môi độc hại, cải thiện hiệu quả năng lượng và quản lý chất thải sau sản xuất.

Bài học từ Indonesia là ngành da giày cần một hệ sinh thái tuân thủ riêng, không thể áp dụng máy móc kinh nghiệm của dệt may. Với da giày, điểm nghẽn thường nằm ở hóa chất thuộc da, chrome VI, dung môi, keo dán, cao su, nhựa, nguồn gốc da, phúc lợi lao động và khả năng tái chế sản phẩm nhiều vật liệu. Việt Nam là nước xuất khẩu giày dép lớn sang EU, vì vậy cần xây dựng chương trình xanh hóa da giày riêng, bao gồm phòng thử nghiệm hóa chất, hỗ trợ LWG cho da thuộc, ZDHC cho nhà máy, dữ liệu vật liệu theo DPP và tiêu chuẩn thiết kế dễ tháo rời – tái chế.

2.6. Tổng hợp so sánh kinh nghiệm quốc tế

Bảng 2. So sánh kinh nghiệm vượt rào cản xanh của một số quốc gia

Quốc gia	Vị trí với thị trường EU	Trọng tâm thích ứng xanh	Kinh nghiệm nổi bật	Hàm ý cho Việt Nam
Bangladesh	Nhà cung cấp may mặc lớn,	Nhà máy xanh, chứng nhận,	Phát triển số lượng lớn nhà	Cần mở rộng từ nhà máy xanh

	phụ thuộc mạnh vào EU	quản lý hóa chất, báo cáo bền vững	máy LEED; dùng chứng nhận để duy trì đơn hàng	sang chuỗi tuần hoàn và tái chế phế liệu
Ấn Độ	EU là thị trường dệt may lớn thứ hai sau Hoa Kỳ	Chính sách ZED, nâng cấp công nghệ, hỗ trợ SME, chứng nhận hữu cơ	Lồng ghép xanh hóa với nâng cấp công nghiệp và cụm sản xuất	Hỗ trợ SME cấp 2, cấp 3 là điều kiện để đáp ứng DPP và REACH
Thổ Nhĩ Kỳ	Top 3 nhà cung cấp hàng may mặc vào EU; lợi thế gần thị trường	Green Deal Action Plan, kinh tế tuần hoàn, sản xuất nhanh, nearshoring	Kết hợp lợi thế logistics với chuyển đổi xanh và tích hợp chuỗi	Việt Nam cần bù khoảng cách địa lý bằng dữ liệu, phát thải thấp và chủ động nguyên liệu
Trung Quốc	Nhà cung cấp lớn nhất, chuỗi cung ứng sâu và năng lực số hóa cao	Dữ liệu sản phẩm, DPP, kiểm soát hóa chất, năng lực thử nghiệm	Chuẩn bị tiêu chuẩn hóa dữ liệu và truy xuất ở quy mô lớn	Số hóa truy xuất là năng lực bắt buộc, nhưng cần tránh định vị giá rẻ rủi ro cao
Indonesia	Nguồn cung giày dép quan trọng của EU	Tuân thủ theo chuỗi thương hiệu, hóa chất, vật liệu, tuần hoàn	Gắn sản xuất giày thể thao với chuẩn của thương hiệu toàn cầu	Cần chương trình xanh hóa riêng cho ngành da giày Việt Nam

Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

3. Bài học rút ra và hàm ý chính sách cho Việt Nam

3.1. Bài học rút ra

Thứ nhất, vượt rào cản xanh của EU không còn là câu chuyện “xin chứng nhận” cho một vài lô hàng, mà là quá trình nâng cấp năng lực cạnh tranh của toàn chuỗi. Bangladesh cho thấy chứng nhận nhà máy xanh giúp tạo niềm tin với nhà mua, nhưng cũng bộc lộ giới hạn nếu thiếu hệ sinh thái tái chế và quản lý phế liệu. Ấn Độ cho thấy chính sách công nghiệp xanh cần đi vào khu vực SME, vì đây là mắt xích quyết định khả năng tuân thủ của chuỗi. Thổ Nhĩ Kỳ chứng minh lợi thế logistics gần thị trường có thể được nhân lên nếu đi kèm kinh tế tuần hoàn và sản xuất linh hoạt. Trung Quốc nhấn mạnh vai trò của dữ liệu và số hóa, trong khi Indonesia cho thấy ngành da giày cần bộ giải pháp riêng về hóa chất, vật liệu và tiêu chuẩn thương hiệu.

Thứ hai, các quốc gia thành công đều sử dụng hiệp hội ngành hàng làm “hạ tầng mềm” cho chuyển đổi xanh. BGMEA ở Bangladesh, IHKIB ở Thổ Nhĩ Kỳ, các hội đồng xúc tiến xuất khẩu ở Ấn Độ và mạng lưới thương hiệu ở Indonesia đều đóng vai trò kết nối doanh nghiệp với nhà mua, tổ chức chứng nhận, dự án quốc tế và cơ quan quản lý. Điều này rất quan trọng vì phần lớn thông tin về rào cản xanh của EU thay đổi nhanh, có tính kỹ thuật cao và vượt quá khả năng tự cập nhật của doanh nghiệp nhỏ.

Thứ ba, năng lực dữ liệu trở thành điểm phân định mới của cạnh tranh. Trong bối cảnh DPP, ESPR và yêu cầu minh bạch môi trường, doanh nghiệp phải chứng minh được sản phẩm được làm từ nguyên liệu gì, ở đâu, qua công đoạn nào, sử dụng hóa chất nào, phát thải bao nhiêu, có thể tái chế hay không. Quốc gia nào xây dựng được hạ tầng dữ liệu chuỗi cung ứng sớm sẽ giảm chi phí tuân thủ và tăng khả năng giữ đơn hàng EU.

Thứ tư, dệt may và da giày có điểm chung về hóa chất, năng lượng, nước và lao động, nhưng không thể dùng một chính sách duy nhất cho cả hai ngành. Da giày có đặc thù về thuộc da, chrome VI, dung môi, keo dán, cao su, nhựa, da tự nhiên và sản phẩm đa vật liệu; do đó cần chương trình hỗ trợ riêng về LWG, ZDHC, phòng thử nghiệm hóa chất, thiết kế tháo rời và tái chế.

3.2. Hàm ý chính sách cho Việt Nam

Một là, xây dựng chương trình quốc gia về đáp ứng rào cản xanh của EU cho dệt may và da giày. Chương trình cần tích hợp các nội dung REACH, ESPR, DPP, EPR, EU Ecolabel, OEKO-TEX®, GOTS, ZDHC, LWG và các yêu cầu của thương hiệu lớn. Thay vì ban hành hướng dẫn chung, cần chuyển hóa thành bộ checklist theo từng nhóm doanh nghiệp: may mặc, dệt – nhuộm – hoàn tất, sản xuất sợi, phụ liệu, thuộc da, giày thể thao, giày da và logistics xuất khẩu.

Hai là, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuỗi cung ứng đạt chuẩn xanh. Việt Nam có nhiều doanh nghiệp may, da giày cấp 1 đã quen với kiểm toán của nhãn hàng, nhưng các nhà cung cấp cấp 2 và cấp 3 như dệt, nhuộm, hoàn tất, phụ liệu, bao bì, thuộc da, keo dán và xử lý chất thải còn là điểm nghẽn. Nhà nước và hiệp hội cần triển khai gói hỗ trợ kiểm toán môi trường, tư vấn chứng nhận, đào tạo quản lý hóa chất, xử lý nước thải, năng lượng tái tạo và số hóa dữ liệu nguyên liệu.

Ba là, phát triển hạ tầng thử nghiệm, chứng nhận và công nhận lẫn nhau. Chi phí thử nghiệm hóa chất, kiểm định vật liệu, chứng nhận hữu cơ, LWG, ZDHC hoặc Higg FEM là gánh nặng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Việt Nam cần nâng cấp phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc tế, kết nối với tổ chức chứng nhận EU, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu cảnh báo sớm về các chất bị hạn chế, chất có nguy cơ bị đưa vào danh mục SVHC hoặc MRSL.

Bốn là, xây dựng nền tảng truy xuất nguồn gốc và hồ chiếu sản phẩm số thử nghiệm cho một số chuỗi xuất khẩu chủ lực. Có thể lựa chọn thí điểm với áo thun cotton, đồ dệt kim, giày thể thao và giày da xuất khẩu sang EU. Dữ liệu tối thiểu cần gồm: nguồn gốc sợi/vải/da, thành phần vật liệu, hóa chất chính, nhà cung cấp, kết quả thử nghiệm, phát thải ước tính, khả năng tái chế, hướng dẫn bảo quản và xử lý cuối vòng đời. Việc thí điểm sớm giúp doanh nghiệp chuẩn bị cho DPP khi EU ban hành yêu cầu cụ thể theo sản phẩm.

Năm là, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong dệt may và da giày. Việt Nam cần chính sách thu gom, phân loại và tái chế phế liệu dệt may sau sản xuất; khuyến khích sử dụng sợi tái chế, vật liệu sinh học, da thuộc bền vững và vật liệu thay thế ít phát thải; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư công nghệ tái chế cơ học, tái chế hóa học, thiết kế đơn chất liệu (mono-material) hoặc dễ tháo rời trong giày dép. Đây là điều kiện để chuyển từ lợi thế gia công sang lợi thế vật liệu và thiết kế bền vững.

Sáu là, sử dụng EVFTA như một nền tảng nâng cấp tiêu chuẩn chứ không chỉ là ưu đãi thuế quan. Khi EU nâng tiêu chuẩn xanh, ưu đãi thuế chỉ còn ý nghĩa nếu doanh nghiệp chứng minh được xuất xứ và tuân thủ môi trường. Do đó, xúc tiến thương mại sang EU cần chuyển từ giới thiệu sản phẩm sang tư vấn tiêu chuẩn, kết nối chứng nhận, hỗ trợ dữ liệu chuỗi cung ứng và đối thoại kỹ thuật với nhà mua.

Bảy là, tăng vai trò của hiệp hội ngành hàng. VITAS, LEFASO và các hiệp hội địa phương cần trở thành trung tâm thông tin rào cản xanh, tổ chức đào tạo định kỳ, xây dựng bộ chỉ số tự đánh giá mức độ sẵn sàng với EU Green Deal, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình quốc tế như ZDHC, Cascale/Higg, LWG, GOTS và phát triển nhóm chuyên gia tư vấn trong nước.

4. Kết luận

Rào cản xanh của EU đối với dệt may và da giày đang chuyển từ các yêu cầu phân tán sang một hệ sinh thái chính sách bao phủ toàn bộ vòng đời sản phẩm. Kinh nghiệm của Bangladesh, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc và Indonesia cho thấy năng lực thích ứng không thể hình thành chỉ bằng phản ứng ngắn hạn với từng đơn hàng, mà cần chiến lược nâng cấp chuỗi cung ứng, quản lý hóa chất, hiệu quả tài nguyên, chứng nhận, truy xuất nguồn gốc, dữ liệu số và kinh tế tuần hoàn. Đối với Việt Nam, đây vừa là thách thức vừa là cơ hội. Nếu tiếp tục cạnh tranh chủ yếu bằng chi phí, doanh nghiệp có nguy cơ bị đẩy xuống phân khúc thấp và chịu áp lực ngày càng lớn từ tiêu chuẩn xanh. Ngược lại, nếu chủ động xây dựng năng lực tuân thủ xanh, Việt Nam có thể củng cố vị trí trong chuỗi cung ứng EU, nâng giá trị gia tăng và chuyển dịch sang mô hình xuất khẩu bền vững hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Bangladesh Garment Manufacturers and Exporters Association (2023), BGMEA Sustainability Report 2023. Đường dẫn: <https://download.bgmea.com.bd/BGMEA%20Sustainability%20Report%202023.pdf>
2. Bangladesh Garment Manufacturers and Exporters Association (2024), Another garment factory achieves LEED certification in Bangladesh. Đường dẫn: https://www.bgmea.com.bd/page/Another_garment_factory_achieves_LEED_certification_in_Bangladesh
3. CBI (2026), What is the demand for apparel on the European market? Đường dẫn: <https://www.cbi.eu/market-information/apparel/what-demand>

4. Centre for Responsible Business (2024), Accelerating the Transition of the Indian Textile Sector towards Circularity. Đường dẫn: <https://c4rb.org/accelerating-the-transition-of-the-indian-textile-sector-towards-circularity/>
5. Department of Science and Technology, Government of India (2023), Indian Textiles Sectorial System of Innovation. Đường dẫn: https://dst.gov.in/sites/default/files/Indian%20Textiles%20Sectorial%20System%20of%20Innovation%20%28ITSSI%29%20Report_0.pdf
6. Eco-wise (2025), China's Textile Digital Product Passport Strategy. Đường dẫn: <https://www.eco-wise.co.uk/blog/china-textile-digital-product-passport-strategy-briefing>
7. European Commission (2020), Chemicals: The EU steps up action against hazardous chemicals in clothing, textiles and footwear. Đường dẫn: <https://ec.europa.eu/newsroom/growth/redirection/item/692410>
8. European Commission (2022), EU Strategy for Sustainable and Circular Textiles. Đường dẫn: https://environment.ec.europa.eu/strategy/textiles-strategy_en
9. European Commission (2025a), European Union, Trade with Bangladesh. https://webgate.ec.europa.eu/isdb_results/factsheets/country/details_bangladesh_en.pdf
10. European Commission (2025b), Key elements of the EU–Indonesia Trade Agreement and Investment Protection Agreement. https://policy.trade.ec.europa.eu/eu-trade-relationships-country-and-region/countries-and-regions/indonesia/eu-indonesia-agreements/key-elements-eu-indonesia-trade-agreement-and-investment-protection-agreement_en
11. European Environment Agency (2025), Circularity of the EU textiles value chain in numbers. <https://www.eea.europa.eu/en/analysis/publications/circularity-of-the-eu-textiles-value-chain-in-numbers>
12. Global Green Growth Institute (2024), New partnership on textile circularity in Indonesia opens new doors for green growth in Indonesia. <https://gggi.org/new-partnership-on-textile-circularity-in-indonesia-opens-new-doors-for-green-growth-in-indonesia/>
13. IHKIB (2022), Turkish Apparel Sector Sustainability Strategy and Action Plan. <https://www.ihkib.org.tr/content/files/uploads/289/aym-yonetici-ozeti-ingilizce-202401311314370873-e150b.pdf>
14. IHKIB (2025), General Outlook to Türkiye's Apparel Export: 2024 Annual Apparel Export Report. <https://www.ihkib.org.tr/content/files/uploads/289/2024-annual-apparel-export-report.pdf>
15. Press Information Bureau, Government of India (2026), A transformational trade deal for India's textile & apparel sector. <https://www.pib.gov.in/PressReleaseIframePage.aspx?PRID=2219250>

16. Switch to Circular Economy Value Chains (2025), Policy packages for Bangladesh's circular garment and textile transition. https://www.switchtocircular.eu/sites/default/files/publications/18-Feb-2025_Switch2CE_Policy-Report_Bangladesh-Circular-Textile-Transition.pdf
17. World Bank (2025), Türkiye's Circular Economy Transition in the EU's Global Value Chain Ecosystem. <https://www.worldbank.org/en/country/turkey/publication/turkiye-s-circular-economy-transition-in-the-eu-s-global-value-chain-ecosystem>
18. World Footwear (2025), EU–Indonesia FTA set to create a level playing field in footwear trade. <https://www.worldfootwear.com/news/euindonesia-fta-set-to-create-a-level-playing-field-in-footwear-trade/10946.html>
19. ZDHC (2024), ZDHC Impact Report 2024. <https://www.roadmaptozero.com/impact-report-2024>
20. ZED (2026), Zero Defect Zero Effect Certification. <https://zed.msme.gov.in/>

INTERNATIONAL EXPERIENCE IN OVERCOMING THE EU'S GREEN BARRIERS FOR TEXTILE AND FOOTWEAR EXPORTS AND POLICY IMPLICATIONS FOR VIETNAM

Dang Thanh Phuong; Vu Viet Thanh

The European Union is rapidly shifting from encouraging green production to making sustainability a condition for market access through regulations on chemicals, ecodesign, traceability, extended producer responsibility and environmental transparency. For textile, apparel, leather and footwear exporters, these requirements form a comprehensive system of green barriers covering the entire product life cycle. This paper analyses the experience of Bangladesh, India, Türkiye, China and Indonesia in adapting to the EU's green requirements. The findings indicate that successful exporters do not rely solely on product certification; rather, they build supply-chain-level capabilities, including green industrial clusters, international chemical management systems, energy-efficient factories, digital traceability, circularity and public–private cooperation. The paper then draws policy implications for Vietnam to strengthen compliance capacity, sustain export competitiveness and move from low-cost processing towards more sustainable value chains.

Keywords: green barriers; EU; textile and apparel; footwear;